

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **267/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 20 - 7 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Minh C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp 12, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Hồng N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2022 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2006 anh C và chị N được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 01/8/2012 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 158/2012). Thời kỳ hôn nhân có 02 con chung tên Đặng Thị Q, sinh 03/02/2010 và Đặng Minh K, sinh 07/12/2012 (Anh C đang trực tiếp nuôi dạy cháu Q, chị N đang trực tiếp nuôi dạy cháu K). Về tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn anh C xác định do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Anh C yêu cầu ly hôn với chị N. Về con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dạy, không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 01/7/2022 đối với cháu Đặng Thùy Q có tại hồ sơ, thể hiện:** Cháu hiện đang học xong lớp 4, điều kiện sống của cháu hiện nay tốt, cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với cha.

- **Đối với cháu Đặng Minh K:** Quá trình giải quyết vụ án chị N không hợp tác dẫn cháu K đến để Tòa án ghi nhận ý kiến.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị N được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mỗi quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, đồng thời phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng anh C và chị N không làm được điều đó, mà chỉ vì quan điểm sống cá nhân của mỗi bên, từ đó làm cho mỗi quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập chị N hai lần để tham gia hòa giải nhưng chị N đều không đến, đồng thời cũng không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của anh C và quá trình giải quyết vụ án anh C thể hiện ý chí cương quyết

ly hôn với chị N, nên có căn cứ xác định anh C và chị N không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân này và có căn cứ xác định được anh C và chị N đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho anh C được ly hôn với chị N là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 158/2012 ngày 01/8/2012 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy anh C và chị N không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; sau khi xem xét nguyện vọng của cháu Đặng Thùy Q thì ghi nhận được cháu có nguyện vọng được sống với anh C, nên cần tôn trọng nguyện vọng của cháu Q và giao cháu cho anh C trực tiếp nuôi dạy; đối với cháu Đặng Minh K quá trình anh C và chị N không sống chung với nhau thì chị N là người trực tiếp nuôi dạy (anh C cũng không có ý kiến gì), nên tiếp tục giao cháu K cho chị N nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh C, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh C, chị N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với anh C, chị N; nếu anh C, chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh C, chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh C không yêu cầu cấp dưỡng cho con, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh C, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chị N Tòa án không ghi nhận được việc có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hay không, anh C không tự nguyện cấp dưỡng cho con, xét thấy giữa anh C và chị N mỗi người có trách nhiệm nuôi dạy một con chung là ngang bằng nghĩa vụ của các bên đối với con chung, nên không buộc anh C phải cấp dưỡng cho cháu K.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh C cho rằng tài sản chung và nợ chung không có, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị N về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên không có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa anh C và chị N. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Anh C phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh C đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Minh C.

- Về hôn nhân: Cho anh Đặng Minh C ly hôn với bà Huỳnh Hồng N.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 158/2012 ngày 01/8/2012 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho anh Đặng Minh C trực tiếp nuôi dạy cháu Đặng Thùy Q, sinh 03/02/2010; giao cho chị Huỳnh Hồng N trực tiếp nuôi dạy cháu Đặng Minh K, sinh 07/12/2012. Anh C, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh C, chị N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với anh C, chị N; nếu anh C, chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh C, chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh C, chị N không phải cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đặng Minh C phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh C đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004525 ngày 14/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã K;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải